

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1249/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Bá Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2
- Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** ông Hoàng Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1307/2025/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2006/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2877/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh L; ông Lin Anh D; ông Lê Hoàng D1; ông Thái Hồng N; bà Bùi Thị Thúy H; Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng; Cùng địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh), (theo văn bản ủy quyền số 222807.25 ngày 30/7/2025)

Bị đơn: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1989

Địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2025 và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q diện ủy quyền trình bày:

Nội dung vụ kiện: Ngày 08/01/2024 Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) ký với ông Trần Văn H1 hợp đồng tín dụng số 6940517.24, với nội dung, Ngân hàng V cho ông H1 vay số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), mục đích vay: để đáp ứng nhu cầu mua xe ô tô Ford Ranger, biển kiểm soát 51D- 858.64, theo hợp đồng mua bán số 041/2310/CTF-HĐMB ngày 09/10/2023 để đi lại. Thời hạn vay 72 tháng, với mức lãi suất kể từ thời điểm giải ngân 10%/năm và lãi được điều chỉnh 3 tháng/lần với biên độ 4.1%/năm, trả gốc phân kì và lãi hàng tháng theo thỏa thuận của hợp đồng. Ngày 10/01/2024 ông H1 đã nhận đủ số tiền trên theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6940517 (1).24 ngày 10/01/2024 đã ký với Ngân hàng V.

Tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp số 4212502.24 ngày 08/01/2024 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1 là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER, số khung: RL2UMFC30PUR60274, số máy: P02SRPU60274; biển số 51D- 858.64, đăng lý lần đầu ngày 05/01/2024, đứng tên chủ xe ông Trần Văn H1; Địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 29/9/2025 ông H1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 54.448.000 đồng, tiền nợ lãi là 31.169.732 đồng. Nay, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc hàng tháng nên Ngân hàng V yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn nhưng ông H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 04/02/2025 Ngân hàng V thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn với ông H1, chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Văn H1 thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 là **501.375.250 đồng (năm trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng)**, (trong đó tiền nợ gốc là 435.552.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng), tiền nợ lãi là 65.823.250 đồng (sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng)), thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu ông H1 tiếp tục trả tiền lãi quá hạn từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Văn H1 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trên, thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER, số khung: RL2UMFC30PUR60274, số máy: P02SRPU60274; biển số 51D- 858.64, đăng lý lần đầu ngày 05/01/2024, đứng tên chủ xe ông Trần Văn H1; Địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố D, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng V.

Tại phiên tòa,

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có đại diện ủy quyền có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Về tiền lãi suất kể từ ngày 30/9/2025, ông Trần Văn H1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Văn H1 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2] Đối với bị đơn ông Trần Văn H1, trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không đến. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Văn H1 phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Văn H1 có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét, Giấy ủy quyền ngày 30/7/2025 của Ngân hàng TMCP Q uỷ quyền cho ông Bùi Mạnh L; ông Lin Anh D; ông Lê Hoàng D1; ông Thái Hồng N; bà Bùi Thị Thúy H; Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng tham gia tố tụng tại Tòa án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Do đó, các ông bà có tên trong Giấy ủy quyền trên được tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ: Căn cứ vào văn bản xác minh của Công an phường H, Thành phố Hồ Chí Minh thì tại địa chỉ số D Đường số A, khu phố D, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) có đương sự tên Trần Văn H1, sinh năm 1989 đăng ký tạm trú từ năm 2023, hiện nay không cư trú.

[2] Về nội dung:

Xét, về hình thức hợp đồng tín dụng số 6940517.24 ngày 08/01/2024 ký giữa các bên được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6940517.24 ngày 08/01/2024 ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Văn H1. Vấn đề này, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: nguyên đơn có xác lập hợp đồng trên với bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng trên bị đơn luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn và thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn với bị đơn. Nay nguyên đơn yêu bị đơn trả số tiền còn nợ là 501.375.250 đồng (năm trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 435.552.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng), tiền nợ lãi là 65.823.250 đồng (sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng)). Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ của mình theo Điều 466 Bộ Luật Dân Sự năm 2015 “Nghĩa vụ trả nợ của bên vay” là thanh toán tiền còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi, tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ

của mình như trong thỏa thuận, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 501.375.250 đồng là có cơ sở pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên theo như hai bên đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Về cách trả: Bị đơn vi phạm hợp đồng đã lâu, gây trở ngại cho hoạt động bình thường của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là có cơ sở, nên HĐXX ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu buộc bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trên, thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER, số khung: RL2UMFC30PUR60274, số máy: P02SRPU60274; biển số 51D- 858.64, đăng lý lần đầu ngày 05/01/2024, đứng tên chủ xe ông Trần Văn H1; Địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố D, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1, theo hợp đồng mua bán số 041/2310/CTF-HĐMB ngày 09/10/2023, đã đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 08/01/2024 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ về cho nguyên đơn.

Xét, về hình thức hợp đồng thế chấp số 4212502.24 ngày 08/01/2024 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1, sau khi ký hợp đồng tín dụng số 6940517.24 ngày 08/01/2024 trên, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo hợp đồng đã ký và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6940517 (1).24 ngày 10/01/2024 đã ký giữa bị đơn và nguyên đơn. Bị đơn xác định đã nhận đủ số tiền là 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 4212502.24 ngày 08/01/2024 trên, đã đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa bên nhận bảo đảm Ngân hàng TMCP Q và bên bảo đảm là ông Trần Văn H1. Như vậy, thỏa thuận giữa các bên được lập là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn ông Trần Văn H1: Do bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định bị đơn có ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp trên với nguyên đơn và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích, nhận định trên và Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Theo phiếu thu lập ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh), nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000 đồng, đã được sử dụng đủ vào chi phí tiến hành xem xét thẩm định. Căn cứ theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn Trần Văn H1 phải chịu, trả lại số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 233, Điều 235, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 292; Điều 293; Điều 295; Điều 298; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Trần Văn H1.

Buộc ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là **501.375.250 đồng (năm trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng)**, (trong đó tiền nợ gốc là 435.552.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng), tiền nợ lãi là 65.823.250 đồng (sáu mươi

lăm triệu tám trăm hai mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng)), thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/9/2025, ông Trần Văn H1 còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6940517.24 ngày 08/01/2024 và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông Trần Văn H1 không thanh toán hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là: xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER, số khung: RL2UMFC30PUR60274, số máy: P02SRPU60274; biển số 51D- 858.64, đăng lý lần đầu ngày 05/01/2024, đứng tên chủ xe ông Trần Văn H1; Địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố D, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1, theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 01 tháng 8 năm 2024 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H1 để thu hồi nợ.

Trường hợp, ông Trần Văn H1 thanh toán đủ số tiền nêu trên, thì Ngân hàng TMCP Q trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Trần Văn H1.

2. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 24.055.010 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn không trăm mười đồng) buộc ông Trần Văn H1 phải chịu.

H2 lại cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 11.168.515 đồng (mười một triệu một trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm mười lăm đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000161 ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Buộc bị đơn ông Trần Văn H1 trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 2 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan